

PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không

Chuyên ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh

Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 40

(Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm.

Hôm qua chúng ta vẫn đang nghe đến kinh văn số 50:

Kinh văn 50: **“Ngũ căn trang nghiêm cố, Thâm tín kiên cố, tinh cần phỉ giải, thường vô mê vọng, tịch nhiên điều thuận, đoạn chư phiền não”** (Nghĩa là: Dùng ngũ căn trang nghiêm, lòng tin sâu kiên cố, tinh cần không biếng nhác, thường không mê vọng, tĩnh lặng điều hòa, đoạn tất cả phiền não).

Chúng ta đang nghe HT giảng đến ý thứ 5 là “Đoạn chư phiền não” (là đoạn tất cả phiền não):

Làm thế nào để đoạn tất cả phiền não? Phiền não có vô lượng vô biên, nhưng tựu chung lại là có 3 loại lớn: Kiến tư phiền não (là chấp trước), Trần sa phiền não (là phân biệt), Vô minh phiền não (là vọng tưởng). Mức thấp nhất để thoát luân hồi là phải đoạn được Kiến tư phiền não, còn nếu bạn đoạn được trần sa phiền não đắc quả vị bồ tát, đoạn được nốt vô minh phiền não đắc quả vị Phật.

Vậy muốn đoạn được phiền não thì phải làm sao? Dùng chân tâm, không dùng vọng tâm. Vọng tâm là gì? Là thức. Chân tâm là gì? Căn tánh của lục căn chính là chân tâm, căn tánh không có phân biệt, chấp trước nên chúng ta phải dùng “kiến tánh” (tức tánh thấy) để nhìn biết vạn pháp, dùng “văn tánh” (tức tánh nghe) để nghe tất cả âm thanh...v.v.. có vậy ắt thấu được chân tướng. (có thể xem giải thích về văn tánh, kiến tánh trong bài 34)

Làm sao để dụng căn tánh của lục căn? Phải dùng “quán”, mà không phải là “nghĩ”, hay “nghiên cứu”. Nghĩ hay nghiên cứu thì đó là dùng thức rồi, hay chính gọi là tư tưởng. “Tư” là trong tâm có phân biệt, “Tưởng” là trong tâm còn vướng tướng. Phật pháp gọi hai chữ “Tư – Tưởng” ấy là phân biệt, chấp trước. Tư tưởng không còn nữa, thì cái còn lại chính là chân tâm. Cũng là nói đã đoạn được kiến tư phiền não và trần sa phiền não rồi.

Vậy thế nào gọi là “quán”? Trong đời sống hằng ngày khi Lục căn tiếp xúc với lục trần không có vọng tưởng (tức không dùng A Lại Da thức), không có phân biệt (tức không dùng ý thức thứ sáu), không có chấp trước (tức không dùng thức thứ bảy là Mạt na thức), gọi là “Xả thức dụng căn”, xả “Bát thức”, dùng “căn tánh” của lục căn. Phàm phu dụng tâm cũng như cái máy ảnh, chụp một cái liền lưu được tám ảnh; còn Thánh nhân dụng tâm như tấm gương, soi chiếu được rõ ràng tường tận nhưng vẫn không lưu lại vết tích nào. Không những sau khi soi chiếu không lưu lại dấu tích, mà ngay lúc soi chiếu cũng không lưu lại dấu tích.

*Vậy Phật Bồ tát thị hiện ở thế gian này các ngài làm rất nhiều việc để độ hóa chúng sinh, vậy các ngài còn có tư tưởng không? Các Ngài ấy dùng “quán” không dùng “tư”, cũng không dùng “tưởng”. Các ngài ấy dùng chân tâm tức dùng kiến tánh để nhìn biết vạn pháp, dùng văn tánh để nghe tất cả âm thanh... Cho nên tuy các Ngài thị hiện trong đời này, hòa lẫn trong người đời nhưng trên thực tế vẫn không chút nhiễm ô. Thuật ngữ Phật giáo gọi là “**Bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến**”.*

Bây giờ chúng ta sẽ nghe HT giảng tiếp về nội dung này:

“Bất biến tùy duyên” là Phật. Chữ “Phật” này là hiểu theo nghĩa rộng, tức là “minh tâm kiến tánh” như trong Tông môn nói đến, cho nên Bồ tát Sơ trụ của Viên giáo (tức là Pháp thân Bồ tát) cũng được gọi là Phật. Trong Kinh Kim Cang Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông có nói “chư Phật” chính là từ Bồ tát Sơ trụ của Viên giáo đến quả vị cứu cánh, bốn mươi hai vị thứ này (gồm có Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa; bốn mươi vị thứ này thêm vào Đẳng Giác, Diệu Giác – Diệu Giác là Phật quả cứu cánh) đều được gọi chung là “chư Phật”. Chư vị này đều không dùng Tâm – Ý – Thức mà nếu có dùng Tâm – Ý – Thức thì lại dùng hết sức chánh, không hề dùng sai lầm, đây chính là “Tương tự vị”, cũng là Tứ Thánh pháp giới (gồm A La

Hán, Bích Chi Phật, Bồ tát và Phật) trong mười pháp giới; Phật trong mười pháp giới thì chưa kiến tánh.

Trong Tứ giáo (tức là Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo, Viên giáo) mà Thiên Thai tông nhắc đến thì Phật của Tạng giáo, Phật của Thông giáo đều chưa có kiến tánh, là Phật trong mười pháp giới; còn Phật của Biệt giáo là thuộc về Nhất chân pháp giới. Tứ giáo giảng Sơ địa của Biệt giáo thì tương đương với “Sơ trụ của Viên giáo”. Từ đó có thể biết quả Phật của Biệt giáo là Bồ tát nhị hạnh vị của Viên giáo ở đoạn chứng tương đương với Bồ tát nhị hạnh vị. Những lý sự này chúng ta phải rõ ràng, sau đó mới tĩnh tâm suy xét xem đời này mình có thể làm được không? Chưa nói đến bậc phẩm vị cao, ngay cả quả Tu Đà Hoàn thì đời này mình muốn đắc được cũng không dễ.

Thế nhưng công phu thành khối trong Tịnh Độ tông có thể giúp vãng sanh hạ hạ phẩm. Chính vì đạo lý này mà mười phương chư Phật không vị nào không tán thán Phật A Di Đà, vì ngài đã thực sự độ tất cả chúng sanh. Với công phu thành khối của Hạ hạ phẩm thì chưa thể đoạn được một phẩm phiền não, tuy chưa thể đoạn nhưng dùng câu Phật hiệu thì cũng có thể chế định được phiền não. Cho nên niệm Phật cũng phải niệm đúng cách, ý niệm vừa khởi lên trong tâm, bất kể đó là thiện hay ác niệm, lập tức dùng câu “A Di Đà Phật” dẫn nó lại; ngày đêm sáu thời quyết không để ý niệm khởi lên_ đây chính là công phu thành khối của Hạ hạ phẩm.

Như người học trò làm nghề vá nôi của lão Hòa thượng Đệ Nhàn, niệm Phật ba năm thì thành tựu, không có khác, chính là biết vận dụng công phu này. Quyết không cho phép tâm mình có chút tạp niệm, mà chỉ có “A Di Đà Phật”, mỗi ngày từ sáng đến tối đều chuyên tưởng như thế, và Ông ta thành công thật. Rồi lúc vãng sanh cũng được tự tại như thế, biết trước giờ “ra đi” đứng mà vãng sanh.

Ví như thân thể đang rất khỏe mạnh nhưng mỗi ngày đều nghi ngờ rằng “ta đau chỗ này, ta có bệnh chỗ kia”, nghĩ vậy nhiều ngày thì bỗng bệnh thật. Vì sao vậy? Vì do tâm tưởng mà ra. **“Tất cả pháp đều do tâm tưởng sanh ra”**, vậy sao ta không nghĩ về việc khỏe mạnh mà lại nghĩ việc bệnh tật? Không nghĩ về điều an lạc mà nghĩ chuyện phiền não? Mọi ý niệm trong thế xuất thế gian đều là chủ tử, còn xuất thế gian đến pháp thượng thừa thì không có ý niệm đó. Có ý niệm mới có thiện – ác, có ý niệm mới có chánh – tà, chân – vọng; không còn có ý niệm thì cũng không có chánh – tà, chân – vọng

mới thực đạt đến thuần chân không vọng, nhập vào cảnh giới Pháp thân Đại sĩ. Trong mười pháp giới vẫn còn chánh – tà, chân – vọng, thiện – ác, còn Nhất chân pháp giới không có những điều này, nên mới thực gọi là chân thật đoạn phiền não. Vậy nên nói “Huệ” mà không có “căn” thì không đoạn được phiền não, “Huệ” phải có “căn” lại phải hướng thêm lên cao, là phải có lực.

Kinh văn 51: **“Lực trang nghiêm cố, chúng oán tận diệt, vô năng hoại giả”** (Nghĩa là: Dùng ngũ lực trang nghiêm, các oán dứt sạch, không ai có thể phá hoại được).

“Lực” là Ngũ lực. Ngũ căn tăng trưởng liền sản sanh sức mạnh thì gọi đó là “Ngũ lực”. Năm điều này, tên gọi cũng giống với Ngũ căn, gồm: Tín-Tân-Niệm-Định-Huệ. Mỗi một điều chúng ta phải có trình độ nhận thức tương đối, phải chăm chỉ nỗ lực học tập, có vậy mới đạt được thọ dụng.

Thứ nhất “Tín lực”.

“Tín căn càng thêm lớn thì phá được chướng ngại” vì tín căn thêm lớn thì sẽ thành lực, không nghi lời dạy thánh nhân.

Ngày nay tín của chúng ta có lực hay không? Chẳng những không có lực mà đến căn cũng không có. Với tất cả pháp thế xuất thế gian chúng ta đều có lòng ngờ vực thì sao đạt được thành tựu? Ngày nay thế gian hỗn loạn, lòng người băng hoại, mà trước đây không có, tương lai sắp tới trong lịch sử sẽ là một thời đại đại loạn. Căn nguyên của sự hỗn loạn là do đâu? Quyển Tam Tự Kinh mà trẻ nhỏ Trung Quốc thời cổ đại phải học, đó là tinh hoa, tiết lược giáo huấn tinh yếu của thánh hiền nhân thì câu đầu tiên trong đó chính là căn bản của việc trị loạn thế gian *“Nhân chi sơ tánh bản thiện. Tánh tương cận, tập tương viễn”*. Chúng ta đã không những không tin lời dạy này, mỗi ngày có đọc câu này cũng chẳng nghĩ tới.

Chữ “thiện” trong *“tánh bản thiện”* không phải là thiện trong “thiện – ác”, mà là “xa lìa hai bên, không ở nơi giữa” thì gọi là chí thiện, chân thiện, là viên mãn của tánh đức. “Tánh bản thiện” nghĩa là gì? Là tin tưởng bản thân có thể thành Phật. Phật chính là tánh bản thiện. Đầu tiên cho chúng ta tín tâm rằng chúng ta có thể làm Thánh nhân, có thể làm Thần nhân, có thể làm Phật, làm Bồ tát. Tín tâm chính là từ đó mà được tạo dựng vậy.

“*Tánh tương cận*” tức nói bốn tánh của mọi chúng sanh vốn là như nhau: vốn dĩ đầy đủ đức năng trí huệ viên mãn, vậy nên mới gọi là “sanh – Phật bất nhị”, nghĩa là chúng sanh và Đức Phật không chút khác biệt. Vậy thì do đâu lại có sự khác biệt? Chính ở câu tiếp sau đó “*tập tương viễn*”, tập ở đây là tập quán, nên gọi là “*gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*”, vậy nên tập tánh mới khác biệt, không phải là bốn tánh.

Bởi vậy con người không thể không tiếp nhận giáo dục vì mục đích của giáo dục là dạy cho chúng ta ngày thêm thân cận Thánh hiền. Cứ thân cận Thánh hiền, “lâu ngày dài tháng” chính ta lại thành Thánh hiền không hay, đó chính nhờ do sự hun đúc của giáo dục. Ngày ngày chúng ta cùng ở chung với Đức Phật, bất tri bất giác (nghĩa là không hay không biết, lúc nào không hay) liền thành Phật; ngày ngày chúng ta cùng ở chung với Bồ tát bất tri bất giác liền thành Bồ tát. Ngược lại, ngày ngày chúng ta cùng ở chung với ác đạo, bất tri bất giác cũng biến thành ác đạo. Quỷ đạo (nghĩa là cõi quỷ) là tâm tham, Địa ngục là sân hận, Súc sanh là ngu si; ngày ngày ở chung với họ thì nhiễm tham, sân, si rồi biến thành ác đạo.

Tìm được căn nguyên hỗn loạn thế gian rồi, đối trị phải bắt đầu từ cõi rễ bắt tay vào. Đây chính là vấn đề của giáo dục. Cho nên từ xưa đến nay từ trong ra ngoài nước, các bậc hiền triết xuất hiện ở thế gian chỉ chọn giáo dục mà không chọn bất cứ hành nghiệp nào khác, chính là vì muốn cứu đời giúp người.

Vậy còn ngày nay chúng ta trên thế gian chọn hành nghiệp xuất gia là dùng tâm gì, chí hướng gì để lựa chọn? Nếu như cũng chỉ vì danh tiếng, lợi dưỡng thì đường ta đi là Tam ác đạo, thậm chí nghiêm trọng hơn. Vì sao vậy? Vì chúng ta đã uốn cong giáo dục thánh hiền, đã thực hành sai giáo huấn của Thánh hiền, rồi làm tất cả chúng sanh ngộ nhận. Đây chính là tội chồng thêm tội. Hành nghiệp này là hành nghiệp của thần thánh, là hành nghiệp của bậc đại thánh đại hiền nên nếu làm chưa tốt thì chúng ta khác nào là kẻ có tội với Phật, Bồ tát, quả báo nhất định sa vào A tỳ Địa ngục.

Tam Tự Kinh có lời dạy rằng “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (nghĩa là: *Giáo dục là lấy chuyên làm trọng*) mà chúng ta lại chẳng chịu chuyên nhất, chuyên công, thấy người khác học rất nhiều thứ liền sợ không bằng người. Ý nghĩ này thật sai lầm! Nếu chúng ta chuyên công ắt có thể nổi bật hơn người. Người chuyên công chắc chắn đầy đủ tam học giới – định – huệ; người tạp

học thì tam học giới – định – huệ hẳn là bị phá hỏng hết, sao có thể thành tựu? Việc dạy học của Viện Phật học ngày nay chỉ là mô phỏng phương pháp giáo học, làm theo giáo trình xếp sẵn của một số trường học, cho nên hoàn toàn không có tam học giới – định – huệ, chẳng những không có Tín lực mà cả Tín căn cũng không có.

Điều này hoàn toàn khác biệt với dạy học của cổ nhân, vì cổ nhân chắc chắn là “quý dĩ chuyên” (nghĩa là: quý ở chỗ chuyên), ví như ta học theo thầy giáo thì chỉ chuyên học một môn, không thể cùng lúc theo đuổi hai môn. Giống chuyện cư sĩ Lý Bình Nam đã dành cả đời giảng kinh, dạy học ở Đài Trung. Ông vô cùng nghiêm khắc hạn chế học sinh chỉ được theo học một môn; chỉ người có khả năng thiên phú, có năng lực đích thực mới đồng ý cho cùng lúc học hai môn, mà cùng lúc học hai môn thì hai môn này nhất định phải bổ trợ với nhau, quyết không được trái nghịch nhau.

Lúc giảng Kinh, tôi vẫn thường khuyên mọi người là phải “*nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu*” (nghĩa là chuyên học một pháp môn, huân tu lâu dài). Không có nền tảng này muốn tránh khỏi sự cám dỗ của tà tri, tà kiến, tà hạnh của xã hội, có thể làm không được; còn nếu làm được trừ phi ta là Phật, Bồ tát tái sanh, nếu không thì chắc chắn bị đọa vào ma đạo. Do đó dạy học là phương tiện tốt nhất cứu độ tất cả chúng sanh. Tam Tạng Kinh có dạy “*câu bất giáo, tính nãi thiên*” (nghĩa là nếu không dạy thì tánh liền thay đổi”). Như chúng ta không nương theo đạo của Thánh nhân, đạo của Phật, Bồ tát giáo huấn thì chắc chắn sẽ thay đổi và chúng ta sẽ bị cuốn theo làn sóng của xã hội.

Ngày nay thiện căn của chúng ta không phải thiện căn sâu dày, vì nếu là thiện căn sâu dày thật thì ắt sẽ làm được “mắt không xem tà sắc”. Điều này hiện tại ta chưa làm được, càng giáo ngôn tà ác thì càng thích nghe, không những thích nghe mà còn ngóng. Từ đó mà xem thì biết ấy là người không có thiện căn, đường họ đi là tà đạo, cách với mức độ thấp nhất của Nho giáo là “quân tử” một khoảng rất xa.

Tiêu chuẩn dạy học của Nho giáo là “*quân tử tuyệt giao, bất xuất ác ngôn*” (Nghĩa là: Quân tử nếu đã tuyệt giao, nhất định không nói xấu). Hai người bạn ý kiến không hợp, trở mặt, đoạn kết giao thì tuyệt đối không nói xấu đối phương dù chỉ một câu. Vì đâu Nho giáo lại dạy người ta như vậy?

Mục đích là vì muốn giữ an định xã hội, hòa bình thế giới. Có tâm như vậy thì ai chẳng tôn trọng mình!

Ác ngôn dễ dẫn đến dèm pha sanh sự, nhẹ thì phá hoại gia đình người làm gia đạo bất hòa; nặng thì phá hoại tập thể, gây bất hòa cho tập thể. Còn nếu là phá hoại đoàn thể Phật giáo thì kiếp sau chắc chắn đọa vào A Tỳ Địa ngục, vì đây là tội “phá hòa hợp tăng”, thuộc vào tội ngũ nghịch thập ác. Các cá thể trong đoàn thể có thể chưa tốt, nhưng đó là việc của họ, nhân quả ai người đó tự gánh, ta tuyệt đối không nói dù chỉ một câu, không tạo thêm nghiệp. Ta phải tin tưởng vào lời giáo huấn của Đức Phật, người khác tạo nghiệp bất thiện, có gì ta phải đem sự bất thiện ấy để vào tâm mình? Rồi biến tâm mình thành tâm bất thiện? Như vậy là tổn thất to lớn, là người ngu si nhất thế gian.

Ngay phần mở đầu của Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, Phật đã dạy rằng “không mảy may xen tạp chút gì bất thiện”, câu này quan trọng biết bao! Phải dưỡng cái tâm thuần thiện của chính mình, không nên phán xét lỗi lầm của người, càng không nên để điều đó trong lòng. Nói cách khác, không lưu làm lỗi của bất kỳ ai trong lòng mình.

Ít nhất mọi người cũng phải học theo được cư sĩ Hứa Triết. Bà năm nay đã 102 tuổi mà vẫn giữ được thân thể khỏe mạnh là vì đâu? Lý do rất đơn giản, tâm thanh tịnh! Bà giữ được tâm thanh tịnh không có nguyên nhân nào khác ngoài việc tuyệt đối không để lỗi người vào tâm mình. Chỉ điểm này thôi đã thấy mình không bằng Bà rồi! Cư sĩ Lý Mộc Nguyên hỏi bà:

- Vậy lúc bà thấy người ta sai lầm, hay tạo tác việc ác thì bà làm sao?

Bà trả lời là:

- Tôi chẳng thấy gì cả.

Giống như khi đi đường, tuy gặp rất nhiều người nhưng có nhìn thấy không? Thấy được. Có nghe được họ nói gì không? Nghe được, nhưng không ghi nhớ nó vào tâm, chẳng chút ấn tượng. Đây chính là không đem những thứ đó để vào lòng. Chúng ta phải cố học được công phu này.

Ngày nay chúng ta có thể tiếp nhận giáo dục Thánh hiền thì ấy chính là thiện căn, phước đức, nhân duyên kiếp trước. Nhưng điều này có hiệu quả

không? Rất khó nói. Vì sao vậy? Vì sự tạp nhiễm của xã hội ngoài kia quá nghiêm trọng rồi, ở thời đại này so với ngày trước nghiêm trọng hàng ngàn, hàng vạn lần cũng chưa vừa. Cho nên, trong xã hội này có thể giữ mình thì thật đúng là người có thiện căn vô cùng sâu dày, quyết chẳng phải người bình thường; còn nếu chưa có được năng lực này thì chúng ta phải huân tập.

Bản thân tôi là một ví dụ. Tuy không phải là có thiện căn sâu dày, nhưng tôi có thể bồi dưỡng thiện căn, không để tập khí ác hại của xã hội tiêm nhiễm. Đó cũng chính là phát tâm của tôi khi tu học mười năm với Thầy Lý Bình Nam. Thầy ấy yêu cầu tôi tuân thủ giáo huấn của thầy ấy năm năm, tôi tự thêm năm năm nữa, vậy là tôi có mười năm học tập theo thầy ấy. Mười năm cảm rỗi tôi mới có được năng lực phân biệt chân – vọng, chánh – tà, thị – phi, mới có thể giữ mình khỏi sự tạp nhiễm, giữ cho tâm ngày một thanh tịnh hơn.

Tôi đã vì các đồng tu chọn ra bảy bài khóa.

(Chú giải: Trong giảng giải kinh VÔ LƯỢNG THỌ - Tập 228, Ht có giảng về 7 bài khóa này như sau:

Phật Kinh có bốn:

Thứ nhất là “A Nan Vấn Sự Phật Kiết Hung Kinh”.

Thứ hai là “Kinh Vô Lượng Thọ”.

Thứ ba là “Di Đà Yếu Giải” của Đại Sư Ngẫu Ích.

Thứ tư là “Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm”.

Nhà Nho thì có hai môn:

Một là “Tứ Thư” và

hai là “Liễu Phàm Tứ Huấn”. Chúng ta đem “Liễu Phàm Tứ Huấn” liệt vào nhà Nho.

Nhà Đạo có một môn là “Thái Thượng Cảm Ứng Thiên”

Bảy bài khóa này phải thuộc nằm lòng, phải có thể giảng)

Chúng ta không phải một lúc học cả bảy bài khóa này mà phải học từng môn, từng môn; thứ tự thì tùy từng người chọn, không nhất thiết phải giống nhau. Học hiểu bộ Kinh này rồi thì học tiếp bộ thứ hai.

Thế nào mới gọi là “hiếu”? Tiêu chuẩn của sự “hiếu” ngày nay cũng hạ thấp xuống rồi, theo tiêu chuẩn của cư sĩ Lý Bình Nam là chúng ta có thể đứng trên bục giảng lại thì mới tính là đã học hiếu; chưa lên bục giảng một lần thì không tính là học hiếu. Ngày xưa khi học với thầy ấy, từ kinh nghiệm cho thấy tôi cảm nhận sâu sắc rằng một lần thì chưa đủ, phải giảng liên tục mười lần không gián đoạn mới được.

Mấu chốt ở sự thành bại của pháp thể xuất thế gian là tín tâm, cho nên nếu không kiến lập được tín tâm thì không thành được việc gì. Pháp môn chúng ta tu học là Tịnh Độ tông, tam tư lương của Tịnh Độ tông gồm Tín – Nguyện – Hạnh. Đầu tiên là “Tín”. Ngay cả khi đã vãng sanh thế giới Cực Lạc rồi vẫn phải khởi tu từ Ngũ Căn, Ngũ Lực thì chúng ta mới hiểu đề bài này quan trọng dường nào! Kinh A Di Đà mà Đại sư La Thập dịch giúp chúng ta hiểu rõ rằng đến với thế giới Tây phương Cực Lạc rồi vẫn phải tu Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ đề phần và Bát chánh đạo phần.

Từ đó có thể biết, chúng ta nhất định phải nỗ lực hoàn thành ba nhóm trước (*đó là Tứ Niệm xứ, Tứ Chánh cần, Tứ Như ý túc*) ngay trong đời này. Điều này nói lên rất rõ ràng không có nền tảng của ba nhóm trước ấy thì không thể vãng sanh. Người chân thật niệm Phật vãng sanh quyết phải có đủ Tứ Niệm xứ, Tứ Chánh cần, Tứ Như ý túc. Tứ Niệm xứ là nhìn thấu, Tứ Như ý túc là buông xả, Tứ Chánh cần là đoạn ác tu thiện. Chúng ta không thật tâm tu tập những điều này thì dầu niệm Phật vẫn không thể vãng sanh. Chúng ta ngàn vạn lần cũng không nên nghĩ rằng “đời nghiệp vãng sanh” là điều dễ dàng. Đại Đức Tổ sư có nói là “dị hành đạo”. “Dị hành đạo” nghĩa là so với các pháp môn khác thì nó là dễ tu nhất. Chứ nếu chúng ta cho rằng nó quá dễ tu thì nghĩa là đời này ta đã lỡ dịp thành tựu, nên nhất định phải nghiêm túc học tập mới được.

“Chúng oán tận diệt, vô năng hoại giả” (nghĩa là: các oán dứt sạch, không ai có thể phá hoại được) chính là hiệu quả của Ngũ lực.

Nghĩa của chữ “oán” này vô cùng sâu rộng, không chỉ là chướng ngại bên ngoài mới gọi là oán nghiệp, mà chướng ngại của bản thân cũng gọi là oán nghiệp, giải đãi lười biếng cũng là oán nghiệp. Ngũ căn là để đối trị, Giáo Thừa Pháp Số gọi là nghi chướng (nghĩa là hoại nghi, chướng ngại), đó chính là oán nghiệp.

(Chú giải: Giáo Thừa Pháp Số Là một loại tiểu từ điển, giải thích các danh từ thuộc về Pháp Tướng trong Phật Giáo. Tác phẩm này gồm 40 quyển do ngài Viên Tịnh biên tập tại Cối Kê vào đời Minh.

Do thấy các sách Đại Thừa Pháp Số, Hiền Thủ Pháp Số còn thiếu sót nhiều nên Sư đã dựa trên quan điểm của tông Thiên Thai thấu thập tất cả những pháp số trong các kinh điển Phật. (tức là những thuật ngữ trong Phật giáo như Tam Quy, Nhất Thừa, Ngũ Giáo, Lục Độ v.v...),

Sách gồm ba ngàn một trăm sáu mươi hai hạng mục. Lời giải thích cặn kẽ, tường tận, rất hữu ích cho người tham cứu. Điểm đặc biệt là tuy sách lấy giáo nghĩa tông Thiên Thai làm chủ, để giải thích danh tướng pháp số, nhưng vẫn trích dẫn rộng rãi kinh luận, của Tam Luận, Duy Thức, Hoa Nghiêm, Thiền, Tịnh Độ, Luật và Mật, kể cả những sách vở liên quan của Nho và Đạo.

Ngài Thích Viên Tịnh, tự là Tâm Nguyên, không rõ thân thế, xuất gia từ bé, theo học Giáo Quán với ngài Vũ Ông thuộc tông Thiên Thai tại chùa Thiên Trúc, Hàng Châu. Trong niên hiệu Tuyên Đức (1426-1435), Ngài từng giữ chức Tăng Lục Ty Hữu Thiện Thế).

Giải đãi, hôn trầm, thất niệm đều là oán nghiệp; tâm tán loạn, ngu mê cũng là oan gia phiền não. Nên biết những thứ này không phải từ bên ngoài mà đến; Kinh Bát Đại Nhân Giác dạy trong bốn loại ma chương thì hết ba loại là từ bên trong. Đó là: “Ngũ uẩn ma” (gồm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức); “Phiền não ma” và “Tử ma”. Còn tất cả nghiệp chương bên ngoài thì gọi là “thiên ma”, không phải ma chương tự thân. Cho nên nói phạm vi của oán nghiệp rất lớn là vậy.

Chúng ta muốn phá được oán nghiệp chương bên ngoài, trước hết phải đoạn oán nghiệp trong tâm. Đoạn được oán nghiệp bên trong thì oán nghiệp bên ngoài toàn bộ cũng hóa giải. Oan gia bên ngoài là từ vô lượng kiếp kết lại, mãi không thể đoạn được nên Bồ tát muốn thành Phật nhất định phải làm đến “nghiệp sạch tình không” mới có thể thành Phật. Làm sao để thực hành được? Chắc chắn là phải bắt đầu từ bản thân mà làm. Chúng sanh muốn thành Phật phải tu hành gian nan, rốt cuộc gian nan chỗ nào? Gian nan ở chỗ quan niệm sai lầm. Chúng ta muốn tiêu trừ nghiệp chương nhưng tầm mắt ta chỉ biết đến bên ngoài, không thấy rằng tiêu trừ nghiệp chương bên trong mới quan trọng.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Chúc bạn:

Không làm các việc ác,

Vâng làm các việc lành,

Tự thanh tịnh tâm ý,

Đó là lời Phật dạy

Website: “www.duongdenhanhphuc.vn”

Kênh Youtube: “duongdenhanhphuc”

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!